

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-PT
Ngày 18 tháng 11 năm 2019
V/v “*Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên
Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 63/2019/HNGĐ-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐ-PT ngày 06/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đắc T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số 2, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

HKTT: Số 2, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Trám, xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi làm việc: Trung tâm thương mại Big C Bắc Giang; địa chỉ: xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Đắc T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 14/6/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đắc Tâm trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2016. Quá trình chung sống, anh và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị T ngoại tình nên cả hai quyết định ly hôn. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 194/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B: chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/6/2016, việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, cháu Ánh thực tế ở với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ của chị T) chứ không phải do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T làm ở Trung tâm thương mại BigC, xã T, thành phố B, thuê nhà trọ ở gần nơi làm việc, thường xuyên đi công tác xa, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ánh. Tối ngày 31/5/2019, anh lên đón cháu A về chơi nhà nội thì bố mẹ chị T cấm cản, không rõ lý do. Những lần khác anh lên thăm con hoặc xin đón con thì bố, mẹ chị T vẫn đồng ý. Cháu A được gia đình bên ngoại cho đi học mầm non, thể chất và tâm sinh lý vẫn phát triển bình thường.

Nay, anh yêu cầu thay đổi được trực tiếp nuôi cháu A vì các lý do sau: gia đình chị T không cho đón con tối ngày 31/5/2019; chị T ngoại tình trong quá trình chung sống vợ chồng nên không đủ tư cách nuôi con; chị T không trực tiếp nuôi con mà để con cho bố mẹ đẻ nuôi, chỗ ăn chỗ ở không ổn định, không đủ điều kiện nuôi con. Bản thân anh là chủ 1 xưởng mộc và có một chiếc xe ô tô kinh doanh dịch vụ chở hàng hóa. Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Hiện anh đang ở với bố, mẹ đẻ và nuôi một con gái (con chung với người vợ trước khi cưới chị T). Bố, mẹ anh có lương hưu nên anh không phải chu cấp gì. Anh đủ điều kiện để nuôi con chung Nguyễn Ngọc A mà không cần chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản khai ngày 23/7/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Theo thỏa thuận giữa chị và anh Nguyễn Đắc T tại Quyết định thuận tình ly hôn số 194/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, chị là người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/6/2016. Cháu A hiện ở cùng chị và bố mẹ đẻ của chị tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Cháu được ông bà ngoại và chị chăm sóc chu đáo, tận tình nên thể chất và tâm sinh lý phát triển hoàn toàn bình thường. Cháu đang học tại Trường Mầm non P, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang, thời gian này đang nghỉ hè. Chị hiện làm việc cho Công ty Tiếp thị ứng dụng T, địa chỉ làm việc tại Trung tâm thương mại BigC, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, thời gian làm việc 8 tiếng/1 ngày, mỗi tuần làm việc 6 ngày, được nghỉ ngày Lễ, Tết, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/1 tháng.

Ngoài thời gian làm việc, chị dành toàn bộ thời gian chăm sóc con. Chị không thuê trọ ở đâu khác như anh T trình bày. Chị và gia đình vẫn tạo điều kiện cho anh T thăm và đón cháu A về chơi bên nội. Chỉ duy nhất ngày 31/5/2019, anh T lên đón con vào buổi tối sau khi đã uống rượu, chị chưa đi làm về. Bố mẹ chị không đồng ý cho anh T đón cháu A, anh T đã làm ầm lên rồi sau đó nộp đơn khởi kiện. Anh T hiện nuôi mẹ già và một con nhỏ, thu nhập không ổn định nên không thể chăm sóc chu đáo cho cháu A. Do đó, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.

Tại Biên bản xác minh ngày 9 tháng 8 năm 2019, Tổ trưởng tổ 1 A, nơi anh T sinh sống cung cấp như sau: Anh T hiện ở cùng mẹ đẻ là bà Đào Thị T và 01 người con với người vợ trước chị T. Mẹ anh T không có lương hưu, sống phụ thuộc vào anh T. Bố đẻ anh T đi làm xa, ít khi về nhà. Thu nhập cụ thể của anh T là bao nhiêu địa phương không nắm được.

Tại Biên bản làm việc ngày 9/8/2019, bà Đào Thị T - mẹ đẻ anh T cung cấp như sau: Anh T có một xưởng mộc tại nhà, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng. Anh T hiện sống cùng bà T và con đẻ là cháu Nguyễn Thị Bích L, đang học lớp 3. Bà Tám là cán bộ hưu về một cục, hiện không có lương, sống phụ thuộc vào con. Chồng bà đi làm xa, một năm chỉ về 1-2 lần.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/8/2019, Trưởng thôn và Phó thôn T, xã P, huyện T cung cấp như sau: Tháng 9 năm 2018, chị T có báo với chính quyền địa phương về việc đã ly hôn chồng. Kể từ đó đến nay, chị T và cháu A ở cùng bố mẹ đẻ chị T tại địa phương. Chị T là nhân viên tiếp thị, bán hàng tại BigC Bắc Giang, thu nhập cụ thể bao nhiêu địa phương không biết. Hàng ngày, chị T đi làm từ sáng, tối về với con. Bố mẹ chị T làm nông nghiệp nên có điều kiện phụ giúp chị T chăm con. Cháu A hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường, được gia đình cho đi học mẫu giáo.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/8/2019, bố đẻ chị T là ông Nguyễn Xuân V cung cấp như sau: Sau khi ly hôn anh T, chị T và con gái Nguyễn Ngọc A về ở cùng vợ chồng ông. Chị T đi làm ở BigC Bắc Giang, sáng đi tối về, tuần nghỉ một ngày. Cháu A được gia đình cho đi học mầm non của xã, hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Thỉnh thoảng, anh T có lên đón cháu về chơi bên nội, gia đình ông luôn tạo điều kiện, không cản cản gì. Vào một buổi tối cuối tháng 5 năm 2019, anh T lên đón cháu A, không chào hỏi ai, cứ thế bé cháu A bỏ đi, trong người có mùi rượu nên ông ngăn cản không cho đón. Anh T làm ầm lên, có báo chính quyền địa phương rồi bỏ về. Từ đó về sau thì không thấy anh T đón cháu A nữa.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/8/2019, Trưởng Công an xã T và Phó thôn X, xã T, thành phố B cung cấp như sau: Không có thông tin đăng ký tạm trú hay thuê nhà ở trọ của chị Nguyễn Thị T tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh T và chị T đều có mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 63/2019/HNGĐ-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đắc T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/6/2016.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001072 ngày 08/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 10/9/2019 anh Nguyễn Đắc T kháng cáo toàn bộ bản án, cùng ngày anh T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Anh T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Lý do: Chị T không đủ tư cách nuôi con, ngoại tình, cản trở việc anh thăm con, tòa sơ thẩm không để anh đưa ra những điều kiện mà bản thân anh có mà chị T không có.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Đắc T không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo. Do vắng mặt chị T nên không thể thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm không chấp yêu cầu của anh. Chị T không có chỗ ở ổn định, thu nhập thấp, chị T không nuôi con mà để con cho bố mẹ chị T nuôi, chị T đi ngoại tình nuôi con sẽ ảnh hưởng đến con, cản trở việc anh thăm con. Các biên bản xác minh viết không đầy đủ để trống, nội dung giống nhau, tẩy xóa. Hiện nay anh có xưởng mộc tại nhà, thu nhập từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/tháng. Anh có nhà riêng. Anh có đầy đủ điều kiện để nuôi cháu A. Đề nghị Hội đồng xem xét kháng cáo của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy trong Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T

[2]. Về nội dung: Chị T và anh T kết hôn năm 2016. Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 6/6/2016. Năm 2018 chị T khởi kiện xin ly hôn anh T. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 194/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, quyết định về con chung: Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Nay anh T khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Ngọc A từ chị T sang anh. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh T. Anh T kháng cáo không đồng ý bản án. Xét kháng cáo của anh T. Hội đồng xét xử thấy:

Anh T trình bày chị T không có đủ điều kiện nuôi con, bỏ mặc con cho bố mẹ chăm sóc đi làm xa, không quan tâm đến cháu A, gia đình chị T cản trở anh thăm con. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án thì chị T có việc làm, có thu nhập ổn định, ở cùng bố mẹ đẻ và đang trực tiếp nuôi cháu A. Cháu A được chị T cho đi học mẫu giáo tại Trường Mầm non xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang; thể chất và tâm sinh lý đều phát triển bình thường. Cả anh T và chị T đều có đủ điều kiện nuôi cháu A. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh T nuôi mẹ già và 01 con nhỏ học lớp 3. Để bảo đảm ổn định về tâm lý, học tập, sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu A. Bản án sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con là cháu A từ chị T sang anh là có căn cứ.

Anh T trình bày gia đình chị T cản trở anh thăm con, chị T không trực tiếp nuôi con, không đủ tư cách đạo đức nuôi con, cấm cản anh trong việc thăm nom con nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa anh T trình bày các biên bản xác minh ghi không đầy đủ nội dung. Hội đồng xét xử thấy những nội dung anh T trình bày tòa sơ thẩm là có thiếu sót ghi không đầy đủ ngày, giờ xác minh; đối với nội dung tẩy xóa trong

biên bản chỉ là gạch những từ viết sai không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đắc T về việc xin thay đổi người trực tiếp nuôi cháu A từ chị T sang anh T.

[3]. Các quyết định khác: của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét .

[4]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đắc T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 06/6/2016.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001072 ngày 08/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đắc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

AA/2018/0001104 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

